

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SDH NĂM 2020

KẾT QUẢ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II HỆ TẬP TRUNG - NĂM 2020

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U.T	Ghi chú
1	1	03200151	NGUYỄN THANH VÂN	Nữ	13/08/1988	Chẩn đoán hình ảnh	8.33	92.00		
2	2	03200321	VƯƠNG THU HÀ	Nữ	15/10/1988	Chẩn đoán hình ảnh	8.00	Miễn thi		
3	3	03200180	ĐỖ VIỆT ANH	Nữ	05/11/1988	Chẩn đoán hình ảnh	7.88	84.00		
4	4	03200114	MAI THẾ CẢNH	Nam	15/06/1984	Chẩn đoán hình ảnh	7.88	80.00		
5	5	03200181	NGUYỄN THỊ HIẾU	Nữ	01/09/1988	Chẩn đoán hình ảnh	7.85	88.00		
6	6	03200099	ĐINH TRUNG THÀNH	Nam	01/10/1980	Chẩn đoán hình ảnh	7.81	Miễn thi		
7	7	03200121	BÙI HOÀNG TÚ	Nam	06/09/1969	Chẩn đoán hình ảnh	7.81	Miễn thi		
8	8	03200136	VŨ THỊ HẰNG	Nữ	20/04/1982	Chẩn đoán hình ảnh	7.77	92.00		
9	9	03200013	ĐOÀN XUÂN HIẾU	Nam	26/09/1979	Chẩn đoán hình ảnh	7.56	86.00		
10	10	03200315	ĐẶNG THỊ BÍCH NGUYỆT	Nữ	07/08/1986	Chẩn đoán hình ảnh	7.38	78.00		
11	11	03200009	TRẦN THANH THỦY NHÂN	Nam	04/02/1986	Chẩn đoán hình ảnh	7.35	Miễn thi		
12	12	03200087	TRƯƠNG THỊ THANH	Nữ	14/12/1988	Chẩn đoán hình ảnh	7.31	88.00		
13	13	03200042	PHẠM HỒNG MINH	Nam	25/06/1987	Chẩn đoán hình ảnh	7.06	82.00		
14	14	03200322	VŨ THỊ KIM THOA	Nữ	03/09/1970	Chẩn đoán hình ảnh	6.94	Miễn thi		
15	15	03200067	LÊ HỒNG MẠNH	Nam	12/02/1979	Chẩn đoán hình ảnh	6.40	88.00		
16	16	03200208	NGUYỄN KHẮC HƯNG	Nam	06/07/1985	Chẩn đoán hình ảnh	6.10	Miễn thi		
17	17	03200149	NGÔ QUANG CHÚC	Nam	22/10/1981	Chẩn đoán hình ảnh	0.00	Miễn thi		Không thi
18	18	03200097	NGÔ THỊ VÂN ANH	Nữ	17/03/1982	Chẩn đoán hình ảnh	0.00	0.00		Không thi
19	1	03200119	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	19/12/1983	Da liễu	8.38	90.00		
20	2	03200036	CAO BÍCH NGỌC	Nữ	15/12/1980	Da liễu	7.77	74.00		
21	3	03200065	VŨ THANH TÙNG	Nam	09/01/1974	Da liễu	7.25	88.00		
22	4	03200265	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	17/07/1987	Da liễu	7.06	Miễn thi		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U.T	Ghi chú
23	5	03200153	TRẦN THÁI SƠN	Nam	16/11/1976	Da liễu	6.88	80.00		
24	6	03200233	PHẠM HỮU THANH	Nam	01/02/1982	Da liễu	6.75	Miễn thi		
25	7	03200246	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	12/12/1981	Da liễu	6.73	Miễn thi		
26	8	03200139	TRƯƠNG VĂN HUÂN	Nam	14/08/1975	Da liễu	6.33	Miễn thi		
27	1	03200011	TRẦN THỊ PHƯƠNG CHI	Nữ	04/01/1977	Dị ứng - MDLS	9.17	Miễn thi		
28	2	03200284	TRẦN NHẬT THÀNH	Nam	28/08/1983	Dị ứng - MDLS	7.29	84.00		
29	1	03200194	NGUYỄN THỊ THU YẾN	Nữ	29/09/1985	Gây mê hồi sức	8.29	Miễn thi		
30	2	03200205	TRỊNH THU HUYỀN	Nữ	26/07/1984	Gây mê hồi sức	7.83	Miễn thi		
31	3	03200269	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	22/10/1982	Gây mê hồi sức	7.69	Miễn thi		
32	4	03200150	NGUYỄN THỊ HÒA	Nữ	06/06/1985	Gây mê hồi sức	7.63	Miễn thi		
33	5	03200034	ĐỖ NGỌC LÂM	Nam	13/07/1978	Gây mê hồi sức	7.46	70.00		
34	6	03200199	BÙI THỊ HẠNH	Nữ	22/07/1985	Gây mê hồi sức	7.44	Miễn thi		
35	7	03200044	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	Nữ	06/10/1989	Gây mê hồi sức	7.38	80.00		
36	8	03200188	LÊ THỊ NGUYỆT	Nữ	04/06/1982	Gây mê hồi sức	7.31	Miễn thi		
37	9	03200287	NGÔ MẠNH DINH	Nam	23/10/1984	Gây mê hồi sức	7.23	78.00		
38	10	03200046	BẠCH NGỌC ANH	Nam	31/12/1983	Gây mê hồi sức	7.06	82.00		
39	11	03200200	NGUYỄN ĐÌNH LONG	Nam	02/10/1982	Gây mê hồi sức	6.85	90.00		
40	12	03200052	NGUYỄN VIỆT NGHĨA	Nam	09/08/1974	Gây mê hồi sức	6.83	Miễn thi		
41	13	03200198	NGUYỄN ĐỖ HÙNG	Nam	22/11/1979	Gây mê hồi sức	6.77	68.00		
42	14	03200222	ĐỖ ĐỨC TRUNG	Nam	09/05/1983	Gây mê hồi sức	6.73	80.00		
43	15	03200243	TRẦN ĐOÀN HUY	Nam	04/08/1981	Gây mê hồi sức	5.81	Miễn thi		
44	16	03200270	LÊ VĂN THUẬN	Nam	25/02/1980	Gây mê hồi sức	5.23	46.00		
45	17	03200026	NGUYỄN CAO CƯỜNG	Nam	12/01/1974	Gây mê hồi sức	5.06	Miễn thi		
46	18	03200267	ĐÀO VĂN CƯỜNG	Nam	17/06/1978	Gây mê hồi sức	0.00	0.00		Không thi
47	1	03200043	TRỊNH THỊ HOÀI NAM	Nữ	15/10/1987	Giải phẫu bệnh	9.29	90.00	10.00	
48	2	03200201	ĐẶNG ĐỨC THỊNH	Nam	07/10/1990	Giải phẫu bệnh	9.17	94.00	10.00	
49	3	03200259	NGUYỄN TÀI TIẾN	Nam	21/09/1979	Giải phẫu bệnh	8.98	Miễn thi		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U.T	Ghi chú
50	4	03200258	NÔNG THỊ THÙY LINH	Nữ	03/03/1984	Giải phẫu bệnh	8.92	Miễn thi		
51	5	03200144	NGỌ NGỌC HIẾU	Nam	22/03/1977	Giải phẫu bệnh	8.85	Miễn thi		
52	6	03200225	HỨA THỊ GIANG	Nữ	25/03/1973	Giải phẫu bệnh	8.31	Miễn thi		
53	7	03200289	NGÔ THÚY HÒA	Nữ	17/02/1978	Giải phẫu bệnh	7.88	68.00	10.00	
54	8	03200050	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Nữ	19/02/1991	Giải phẫu bệnh	7.46	78.00	10.00	
55	9	03200062	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	24/03/1985	Giải phẫu bệnh	0.00	Miễn thi		Không thi
56	1	03200212	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	Nữ	15/09/1984	Hóa sinh Y học	8.10	86.00		
57	2	03200019	LẠI THỊ TỔ UYÊN	Nữ	23/03/1976	Hóa sinh Y học	7.73	Miễn thi		
58	3	03200070	UÔNG THỊ THU HƯƠNG	Nữ	05/04/1976	Hóa sinh Y học	7.60	Miễn thi		
59	4	03200154	NGUYỄN THỊ XUÂN	Nữ	24/02/1984	Hóa sinh Y học	7.50	90.00		
60	5	03200182	VŨ THỊ NGÂN	Nữ	28/09/1977	Hóa sinh Y học	6.88	78.00		
61	6	03200076	NGUYỄN THỊ NHƯ ÁI	Nữ	01/07/1976	Hóa sinh Y học	6.25	Miễn thi		
62	1	03200020	DƯƠNG VƯƠNG TRUNG	Nam	06/08/1978	Hồi sức cấp cứu	7.73	82.00		
63	2	03200135	HÀ MẠNH HÙNG	Nam	26/12/1977	Hồi sức cấp cứu	7.71	Miễn thi		
64	3	03200266	PHẠM THỊ ÁNH XUÂN	Nữ	18/02/1977	Hồi sức cấp cứu	7.25	96.00		
65	4	03200085	NGUYỄN ĐẠI VIỆT ĐỨC	Nam	15/12/1982	Hồi sức cấp cứu	7.19	Miễn thi		
66	5	03200231	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	02/09/1989	Hồi sức cấp cứu	6.96	84.00		
67	6	03200278	NGUYỄN THỊ MAI LY	Nữ	11/07/1982	Hồi sức cấp cứu	6.94	82.00		
68	7	03200014	PHẠM HỮU HIỀN	Nam	11/06/1984	Hồi sức cấp cứu	6.85	74.00		
69	8	03200089	NGUYỄN THÁI LONG	Nam	31/01/1976	Hồi sức cấp cứu	6.69	84.00		
70	9	03200132	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	Nam	23/12/1984	Hồi sức cấp cứu	0.00	Miễn thi		Không thi
71	1	03200113	ĐÀO THỊ THIẾT	Nữ	16/09/1990	HH - TM	8.46	92.00		
72	2	03200158	PHẠM THỊ HẰNG	Nữ	11/10/1986	HH - TM	8.19	84.00		
73	3	03200016	NGUYỄN VIỆT DŨNG	Nam	29/09/1987	HH - TM	8.19	82.00		
74	4	03200112	ĐẶNG THỊ HÀ	Nữ	25/10/1980	HH - TM	7.71	Miễn thi		
75	5	03200047	THIỀU THỊ HẰNG	Nữ	12/10/1981	HH - TM	7.50	86.00		
76	6	03200184	VŨ HOÀNG	Nam	18/09/1984	HH - TM	7.44	88.00		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U.T	Ghi chú
77	7	03200094	HÀ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	01/04/1973	HH - TM	6.00	88.00		
78	1	03200111	NGUYỄN HỮU TRÍ	Nam	10/07/1970	Lao và bệnh phổi	9.19	80.00	10.00	
79	2	03200177	DƯƠNG DANH BỘ	Nam	05/01/1982	Lao và bệnh phổi	8.52	Miễn thi		
80	1	03200040	CHU VĂN LÂM	Nam	12/11/1984	Ngoại khoa	9.73	88.00		
81	2	03200216	NGUYỄN NGỌC TIỆP	Nam	01/12/1984	Ngoại khoa	9.46	Miễn thi		
82	3	03200316	VÕ VĂN MINH	Nam	05/07/1987	Ngoại khoa	9.38	Miễn thi		
83	4	03200295	ĐỖ TUẤN ANH	Nam	20/01/1987	Ngoại khoa	9.31	Miễn thi		
84	5	03200268	VĂN ĐỨC HẠNH	Nam	31/12/1985	Ngoại khoa	9.04	Miễn thi		
85	6	03200277	TRẦN XUÂN QUANG	Nam	22/11/1990	Ngoại khoa	9.00	76.00		
86	7	03200252	ĐOÀN QUANG DŨNG	Nam	03/12/1981	Ngoại khoa	8.94	Miễn thi		
87	8	03200084	NGUYỄN VĂN LINH	Nam	23/05/1989	Ngoại khoa	8.92	84.00		
88	9	03200053	VŨ MINH UỠ	Nam	04/02/1984	Ngoại khoa	8.71	Miễn thi		
89	10	03200253	VŨ QUANG HIỂU	Nam	19/02/1970	Ngoại khoa	8.60	Miễn thi		
90	11	03200250	TRẦN TUẤN ANH	Nam	30/10/1985	Ngoại khoa	8.60	92.00		
91	12	03200002	TRẦN ĐỨC TÂM	Nam	14/11/1986	Ngoại khoa	8.54	Miễn thi		
92	13	03200017	TRẦN THUỖNG VIỆT	Nam	31/03/1982	Ngoại khoa	8.40	Miễn thi		
93	14	03200064	NGUYỄN ĐỨC THẾ	Nam	10/06/1981	Ngoại khoa	8.27	Miễn thi		
94	15	03200008	TRẦN ĐÌNH PHUỖNG	Nam	17/10/1988	Ngoại khoa	8.21	88.00		
95	16	03200260	ĐỖ TRỌNG KHIỂU	Nam	27/08/1982	Ngoại khoa	8.19	Miễn thi		
96	17	03200204	NGUYỄN ĐÌNH HUNG	Nam	02/02/1985	Ngoại khoa	8.17	Miễn thi		
97	18	03200168	PHẠM VĂN KHIẾT	Nam	08/02/1982	Ngoại khoa	8.08	74.00		
98	19	03200152	PHẠM TRUNG THÔNG	Nam	28/08/1985	Ngoại khoa	8.06	76.00		
99	20	03200131	ĐẶNG VIỆT HÔNG	Nam	24/03/1979	Ngoại khoa	8.02	90.00		
100	21	03200081	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	11/07/1986	Ngoại khoa	8.02	88.00		
101	22	03200106	TRẦN QUANG TRUNG	Nam	20/03/1982	Ngoại khoa	8.02	80.00		
102	23	03200027	ĐỖ VIỆT SƠN	Nam	31/03/1981	Ngoại khoa	7.98	Miễn thi		
103	24	03200282	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	Nam	02/06/1981	Ngoại khoa	7.96	80.00		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U'T	Ghi chú
104	25	03200313	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	Nam	31/12/1989	Ngoại khoa	7.92	80.00		
105	26	03200093	LÊ ANH DŨNG	Nam	05/12/1985	Ngoại khoa	7.85	78.00		
106	27	03200247	LÊ TRÀNG LỢI	Nam	04/10/1980	Ngoại khoa	7.77	Miễn thi		
107	28	03200165	TRẦN QUANG MẠNH	Nam	05/08/1982	Ngoại khoa	7.71	Miễn thi		
108	29	03200091	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	10/06/1983	Ngoại khoa	7.69	Miễn thi		
109	30	03200312	NGUYỄN TIẾN TRUNG	Nam	10/04/1984	Ngoại khoa	7.69	84.00		
110	31	03200280	ĐẶNG TRUNG KIÊN	Nam	16/08/1988	Ngoại khoa	7.42	Miễn thi		
111	32	03200311	LƯƠNG TOÀN THẮNG	Nam	15/05/1975	Ngoại khoa	7.35	Miễn thi		
112	33	03200290	NGUYỄN TRẦN QUANG SÁNG	Nam	12/09/1984	Ngoại khoa	7.23	76.00		
113	34	03200156	HOÀNG MINH TÂN	Nam	15/03/1990	Ngoại khoa	7.21	Miễn thi		
114	35	03200169	NGUYỄN HOÀNG THÁI	Nam	25/03/1986	Ngoại khoa	7.17	Miễn thi		
115	36	03200299	BÙI HẢI NAM	Nam	25/04/1985	Ngoại khoa	7.06	90.00		
116	37	03200234	PHẠM TÂN ĐỨC	Nam	14/07/1982	Ngoại khoa	6.94	86.00		
117	38	03200298	PHẠM HỒNG PHÚC	Nam	28/10/1971	Ngoại khoa	6.77	44.00		
118	39	03200167	NGUYỄN QUỐC VINH	Nam	06/10/1973	Ngoại khoa	6.77	42.00		
119	40	03200069	HOÀNG THANH SƠN	Nam	18/08/1975	Ngoại khoa	6.67	74.00		
120	41	03200221	VŨ XUÂN HOÀN	Nam	27/09/1986	Ngoại khoa	6.54	72.00		
121	42	03200197	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	31/10/1982	Ngoại khoa	0.00	Miễn thi		Không thi
122	1	03200078	NGUYỄN MẠNH ĐẠT	Nam	22/02/1984	Nhân khoa	7.40	Miễn thi		
123	2	03200007	NGUYỄN LƯƠNG NGỌC ANH	Nam	24/07/1988	Nhân khoa	6.90	62.00		
124	3	03200176	ĐINH THỊ THANH VÂN	Nữ	09/07/1984	Nhân khoa	6.65	82.00		
125	4	03200190	NGÔ HỮU PHƯƠNG	Nam	05/07/1981	Nhân khoa	6.29	Miễn thi		
126	5	03200256	NGUYỄN HUY CƯỜNG	Nam	13/03/1976	Nhân khoa	6.00	44.00		
127	6	03200202	TRẦN THỊ THỦY	Nữ	15/10/1984	Nhân khoa	5.98	74.00		
128	7	03200080	ĐẶNG XUÂN HOA	Nữ	27/12/1971	Nhân khoa	5.75	80.00		
129	8	03200090	NGUYỄN VĂN HUYNH	Nam	04/12/1983	Nhân khoa	5.50	82.00		
130	1	03200021	DƯƠNG THỊ NGUYỆT VÂN	Nữ	17/06/1986	Nội Hô hấp	7.98	86.00		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U.T	Ghi chú
131	2	03200228	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	03/02/1985	Nội Hô hấp	7.69	82.00		
132	3	03200236	PHAN THỊ HẠNH	Nữ	27/05/1985	Nội Hô hấp	7.10	98.00		
133	4	03200129	NGUYỄN MẠNH TUỜNG	Nam	03/01/1978	Nội Hô hấp	6.77	82.00		
134	5	03200010	MAI MẠNH TAM	Nam	26/04/1985	Nội Hô hấp	0.00	0.00		Không thi
135	1	03200003	TRỊNH NGỌC DUY	Nam	23/06/1984	Nội Lão khoa	8.00	78.00		
136	2	03200161	NGUYỄN THỊ MINH HẢI	Nữ	20/04/1974	Nội Lão khoa	7.42	Miễn thi		
137	3	03200271	VŨ DUY THƯỜNG	Nam	16/12/1980	Nội Lão khoa	7.40	90.00		
138	4	03200055	BÙI VĂN DŨNG	Nam	22/11/1982	Nội Lão khoa	7.38	80.00		
139	5	03200088	BÙI VIÊN SƠN	Nam	27/08/1979	Nội Lão khoa	5.88	Miễn thi		
140	1	03200145	TRẦN THỊ BÍCH LIÊN	Nữ	05/10/1980	Nội Nội tiết	7.98	Miễn thi		
141	2	03200207	LÊ THANH HUYỀN	Nữ	11/08/1988	Nội Nội tiết	6.94	84.00		
142	3	03200307	ĐOÀN THỊ THÚY TÌNH	Nữ	24/08/1980	Nội Nội tiết	6.38	Miễn thi		
143	4	03200035	TRẦN THỊ KIỀU PHƯƠNG	Nữ	23/06/1978	Nội thận - Tiết niệu	8.40	Miễn thi		
144	5	03200305	NGÔ THỊ VÂN	Nữ	05/11/1989	Nội thận - Tiết niệu	7.65	88.00		
145	6	03200060	NGUYỄN THỊ LỰU	Nữ	15/02/1985	Nội thận - Tiết niệu	7.13	90.00		
146	7	03200159	LÝ THỊ THOA	Nữ	08/07/1986	Nội thận - Tiết niệu	6.69	78.00		
147	1	03200012	PHẠM THỊ THÙY	Nữ	14/10/1981	Nội Tiêu hoá	8.85	90.00		
148	2	03200104	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	12/07/1991	Nội Tiêu hoá	8.75	Miễn thi		
149	3	03200164	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	Nam	15/11/1982	Nội Tiêu hoá	8.13	76.00		
150	4	03200079	BÙI QUANG THẠCH	Nam	05/09/1979	Nội Tiêu hoá	7.71	Miễn thi		
151	5	03200310	ĐẬU QUANG LIÊU	Nam	10/08/1991	Nội Tiêu hoá	7.33	88.00		
152	6	03200005	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	Nữ	30/04/1979	Nội Tiêu hoá	7.29	Miễn thi		
153	7	03200124	NGUYỄN TẮT THÀNH	Nam	10/05/1978	Nội Tiêu hoá	7.25	Miễn thi		
154	8	03200133	ĐÀO VĂN TIẾN	Nam	30/11/1985	Nội Tiêu hoá	7.02	88.00		
155	9	03200170	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	16/06/1978	Nội Tiêu hoá	6.40	84.00		
156	10	03200263	LÊ DUY ĐẠO	Nam	12/02/1977	Nội Tiêu hoá	6.33	Miễn thi		
157	11	03200251	TRẦN VĂN DŨNG	Nam	01/07/1979	Nội Tiêu hoá	6.10	Miễn thi		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U.T	Ghi chú
158	12	03200223	NGUYỄN VIỆT THẮNG	Nam	05/06/1975	Nội Tiêu hoá	5.81	Miễn thi		
159	13	03200049	PHẠM VIỆT VINH	Nam	03/06/1981	Nội Tiêu hoá	4.65	Miễn thi		
160	1	03200077	ĐẬU THỊ HẰNG	Nữ	20/05/1985	Nội Tim mạch	8.29	Miễn thi		
161	2	03200264	NGUYỄN HỮU TUẤN	Nam	25/12/1980	Nội Tim mạch	7.96	Miễn thi		
162	3	03200325	ĐỖ THÚY CÂN	Nữ	29/03/1979	Nội Tim mạch	7.96	Miễn thi		
163	4	03200286	VŨ THỊ TRANG	Nữ	06/05/1987	Nội Tim mạch	7.92	90.00		
164	5	03200291	HOÀNG HUY TÚ	Nam	15/05/1979	Nội Tim mạch	7.92	86.00		
165	6	03200254	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT	Nam	19/05/1989	Nội Tim mạch	7.83	88.00		
166	7	03200279	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	28/07/1988	Nội Tim mạch	7.79	80.00		
167	8	03200160	HOÀNG VĂN KỶ	Nam	28/06/1987	Nội Tim mạch	7.63	88.00		
168	9	03200203	VŨ THỊ DIỆN	Nữ	10/01/1977	Nội Tim mạch	7.58	Miễn thi		
169	10	03200187	THÁI THỊ PHƯƠNG THẢO	Nam	24/06/1978	Nội Tim mạch	7.33	Miễn thi		
170	11	03200163	TRỊNH THỊ ĐÔNG	Nữ	16/07/1987	Nội Tim mạch	7.25	86.00		
171	12	03200304	LÊ THỊ HOÀI THU	Nữ	11/09/1977	Nội Tim mạch	7.10	96.00		
172	13	03200326	DOÃN HỮU LINH	Nam	23/06/1980	Nội Tim mạch	7.08	78.00		
173	14	03200041	LƯƠNG HẢI ĐĂNG	Nữ	18/01/1981	Nội Tim mạch	7.06	82.00		
174	15	03200147	TRẦN QUANG ĐỊNH	Nam	30/07/1979	Nội Tim mạch	6.96	Miễn thi		
175	16	03200224	TẠ HOÀNG PHONG	Nam	19/08/1979	Nội Tim mạch	6.67	Miễn thi		
176	17	03200095	LÝ ĐỨC NGỌC	Nam	14/10/1981	Nội Tim mạch	6.29	76.00		
177	18	03200045	NGUYỄN THỊ THANH NGA	Nữ	25/11/1977	Nội Tim mạch	0.00	0.00		Không thi
178	1	03200217	NGUYỄN THỊ THOA	Nữ	19/01/1991	Nội xương khớp	8.15	88.00		
179	2	03200037	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/03/1988	Nội xương khớp	8.13	84.00		
180	3	03200320	TRỊNH HUY BÌNH	Nam	12/02/1989	Nội xương khớp	7.98	84.00		
181	4	03200074	PHẠM THỊ THANH THẢO	Nam	19/11/1985	Nội xương khớp	7.77	Miễn thi		
182	5	03200173	PHẠM THỊ THU HÀ	Nữ	02/06/1984	Nội xương khớp	7.75	Miễn thi		
183	6	03200101	TRỊNH HỒNG NHUNG	Nữ	11/09/1986	Nội xương khớp	7.60	Miễn thi		
184	7	03200024	LÊ THỊ HẢI HÀ	Nữ	31/12/1977	Nội xương khớp	7.21	Miễn thi		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U.T	Ghi chú
185	8	03200004	BẠCH THỊ NHỎ	Nữ	05/12/1984	Nội xương khớp	6.50	78.00		
186	1	03200241	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	Nữ	03/09/1982	Phục hồi chức năng	8.19	84.00		
187	2	03200029	BÙI BÁ QUANG	Nam	18/09/1980	Phục hồi chức năng	8.10	82.00		
188	3	03200143	VŨ XUÂN TRIỂN	Nam	25/07/1984	Phục hồi chức năng	8.04	80.00		
189	4	03200314	HÀ THUẬN	Nam	12/01/1982	Phục hồi chức năng	7.69	Miễn thi		
190	5	03200327	HUỖNH VĂN TÝ	Nam	10/12/1973	Phục hồi chức năng	7.17	70.00		
191	1	03200015	LÊ THỊ THANH XUÂN	Nữ	15/08/1986	Quản lý y tế	9.42	86.00		
192	2	03200100	NGUYỄN CÔNG BÌNH	Nam	10/02/1976	Quản lý y tế	8.73	86.00		
193	3	03200301	TẠ NGỌC HÀ	Nam	10/10/1972	Quản lý y tế	8.21	80.00		
194	4	03200189	TRẦN ANH THẮNG	Nam	12/07/1979	Quản lý y tế	7.63	Miễn thi		
195	1	03200171	TRỊNH ĐỖ VÂN NGÀ	Nữ	05/09/1987	Răng - Hàm - Mặt	8.58	94.00		
196	2	03200230	ĐẶNG THỊ LIÊN HƯƠNG	Nữ	21/04/1984	Răng - Hàm - Mặt	6.60	100.00		
197	3	03200063	TRẦN THỊ NGÀ LIÊN	Nữ	22/04/1978	Răng - Hàm - Mặt	6.29	82.00		
198	4	03200134	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	10/01/1985	Răng - Hàm - Mặt	5.10	80.00		
199	5	03200122	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	12/10/1978	Răng - Hàm - Mặt	5.02	82.00		
200	6	03200031	TRẦN HẢI HÀ	Nữ	28/01/1976	Răng - Hàm - Mặt	4.98	86.00		
201	7	03200123	NGUYỄN THỊ VIỆT THÀNH	Nữ	04/04/1985	Răng - Hàm - Mặt	4.69	Miễn thi		
202	8	03200318	NGUYỄN MẠNH CUỒNG	Nam	10/08/1982	Răng - Hàm - Mặt	4.46	Miễn thi		
203	9	03200186	NGUYỄN THỊ VÂN	Nữ	20/10/1978	Răng - Hàm - Mặt	4.46	74.00		
204	10	03200066	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	30/10/1985	Răng - Hàm - Mặt	0.00	0.00		Không thi
205	1	03200102	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/08/1988	Sản phụ khoa	8.04	86.00		
206	2	03200001	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	Nữ	28/03/1990	Sản phụ khoa	7.88	86.00		
207	3	03200073	NGUYỄN THỊ THỦY CHUNG	Nữ	22/07/1988	Sản phụ khoa	7.79	84.00		
208	4	03200229	PHẠM THỊ YẾN	Nữ	20/04/1990	Sản phụ khoa	7.58	88.00		
209	5	03200288	PHẠM THU TRANG	Nữ	28/02/1989	Sản phụ khoa	7.35	86.00		
210	6	03200249	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	22/01/1979	Sản phụ khoa	7.06	82.00		
211	7	03200155	HỒ VĂN VIỆT	Nam	01/05/1972	Sản phụ khoa	6.92	96.00		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U.T	Ghi chú
212	8	03200039	LÊ THỊ NĂM	Nữ	21/04/1978	Sản phụ khoa	6.83	74.00		
213	9	03200059	NGUYỄN THỊ THỦY HÀ	Nữ	19/11/1982	Sản phụ khoa	6.81	Miễn thi		
214	10	03200086	NGUYỄN CƠ THẠCH	Nam	02/10/1983	Sản phụ khoa	6.79	88.00		
215	11	03200179	NGÔ ANH QUANG	Nam	07/11/1983	Sản phụ khoa	6.65	82.00		
216	12	03200274	ĐỖ CƯỜNG VƯỢNG	Nam	12/09/1980	Sản phụ khoa	6.38	Miễn thi		
217	13	03200257	CAO CHÍ TRUNG	Nam	29/07/1982	Sản phụ khoa	6.23	72.00		
218	14	03200148	ĐỖ THỊ THUỶ	Nữ	07/03/1980	Sản phụ khoa	6.17	Miễn thi		
219	15	03200109	NGÔ MINH THẮNG	Nam	28/04/1983	Sản phụ khoa	6.15	Miễn thi		
220	16	03200138	ĐỒNG THU TRANG	Nữ	17/10/1986	Sản phụ khoa	6.04	78.00		
221	17	03200309	BÙI THỊ PHƯỢNG	Nam	05/10/1987	Sản phụ khoa	6.02	50.00		
222	18	03200273	NGUYỄN THỊ DUNG	Nữ	12/09/1982	Sản phụ khoa	5.96	88.00		
223	19	03200235	VƯƠNG THỊ CHUNG	Nữ	19/07/1977	Sản phụ khoa	5.75	Miễn thi		
224	20	03200083	TRẦN ANH TÚ	Nam	10/11/1974	Sản phụ khoa	5.58	58.00		
225	21	03200211	CAO THỊ THÚY HÀ	Nữ	04/09/1984	Sản phụ khoa	5.29	54.00		
226	22	03200033	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	16/12/1974	Sản phụ khoa	5.21	68.00		
227	23	03200092	BÙI ĐÌNH TRƯỜNG	Nam	20/02/1985	Sản phụ khoa	0.00	0.00		Không thi
228	1	03200183	HÀ MINH LỢI	Nam	29/08/1977	Tai - Mũi - Họng	8.73	Miễn thi		
229	2	03200175	NGUYỄN THỊ THU ĐỨC	Nữ	30/07/1982	Tai - Mũi - Họng	8.50	94.00		
230	3	03200219	NGUYỄN THỊ HOA HỒNG	Nữ	08/02/1985	Tai - Mũi - Họng	8.33	96.00		
231	4	03200128	TRẦN XUÂN SƠN	Nam	10/04/1977	Tai - Mũi - Họng	8.19	80.00		
232	5	03200126	PHẠM THỊ HIỀN	Nữ	12/02/1983	Tai - Mũi - Họng	8.10	Miễn thi		
233	6	03200025	MA CHÍNH LÂM	Nam	03/10/1983	Tai - Mũi - Họng	7.81	Miễn thi		
234	7	03200118	TẠ MINH TIẾN	Nữ	16/07/1986	Tai - Mũi - Họng	7.50	88.00		
235	8	03200071	LÃ QUÝ DÂN	Nam	26/10/1979	Tai - Mũi - Họng	6.85	Miễn thi		
236	9	03200006	PHAN THỊ THANH HOA	Nữ	10/07/1982	Tai - Mũi - Họng	6.83	92.00		
237	10	03200096	HOÀNG HẢI SƠN	Nam	04/11/1978	Tai - Mũi - Họng	6.19	76.00		
238	11	03200107	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/04/1979	Tai - Mũi - Họng	5.56	Miễn thi		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U.T	Ghi chú
239	12	03200141	NGUYỄN ĐỨC TÀI	Nam	11/08/1977	Tai - Mũi- Họng	5.54	Miễn thi		
240	1	03200232	BÙI VĂN LỢI	Nam	03/12/1990	Tâm thần	9.75	92.00	10.00	
241	2	03200244	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/08/1990	Tâm thần	8.46	84.00	10.00	
242	3	03200276	VƯƠNG ĐÌNH THỦY	Nam	18/06/1991	Tâm thần	8.42	90.00	10.00	
243	4	03200048	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	Nữ	30/08/1985	Tâm thần	8.33	Miễn thi		
244	5	03200116	NGUYỄN THỊ ÁI VÂN	Nữ	10/06/1989	Tâm thần	8.10	84.00	10.00	
245	6	03200051	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	Nữ	05/10/1986	Tâm thần	8.00	92.00	10.00	
246	7	03200127	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	Nam	04/11/1989	Tâm thần	7.96	Miễn thi		
247	8	03200240	CAO THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	14/06/1990	Tâm thần	7.75	Miễn thi		
248	9	03200293	LÊ VĂN CƯỜNG	Nam	04/08/1970	Tâm thần	0.00	0.00	10.00	Không thi
249	1	03200261	DOÃN THỊ HUYỀN	Nữ	29/01/1980	Thần kinh	9.88	94.00		
250	2	03200120	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	22/08/1989	Thần kinh	9.56	88.00		
251	3	03200319	NGÔ VĂN DŨNG	Nam	16/06/1969	Thần kinh	9.56	84.00		
252	4	03200248	NGUYỄN DUY HIỀN	Nam	15/04/1985	Thần kinh	9.40	90.00		
253	5	03200191	TRỊNH THỊ PHƯƠNG LÂM	Nữ	02/05/1981	Thần kinh	9.04	88.00		
254	6	03200213	HÀ HỮU QUÝ	Nam	01/06/1979	Thần kinh	9.00	78.00		
255	1	03200317	LƯƠNG XUÂN KIÊN	Nam	19/10/1975	Truyền nhiễm&CBND	9.17	Miễn thi		
256	2	03200239	NGUYỄN DANH ĐỨC	Nam	17/07/1985	Truyền nhiễm&CBND	9.17	84.00		
257	3	03200178	ĐÌNH VĂN HUY	Nam	17/02/1982	Truyền nhiễm&CBND	9.13	84.00		
258	4	03200023	NGUYỄN VĂN TÌNH	Nam	05/10/1979	Truyền nhiễm&CBND	9.13	82.00		
259	5	03200275	HÀ PHÚC HÒA	Nam	02/10/1979	Truyền nhiễm&CBND	8.98	Miễn thi		
260	6	03200137	PHẠM MINH TUẤN	Nam	01/08/1982	Truyền nhiễm&CBND	8.96	Miễn thi		
261	7	03200262	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	12/10/1978	Truyền nhiễm&CBND	8.94	Miễn thi		
262	8	03200281	NGUYỄN THỊ NGỌC CHI	Nữ	02/01/1987	Truyền nhiễm&CBND	8.81	84.00		
263	9	03200237	NGÔ VĂN AN	Nam	07/08/1985	Truyền nhiễm&CBND	8.38	Miễn thi		
264	1	03200196	TRẦN ĐỨC TOÀN	Nam	24/01/1990	Ung thư	9.19	Miễn thi		
265	2	03200032	DƯƠNG CHÍ THÀNH	Nam	02/09/1990	Ung thư	9.02	82.00		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	U.T	Ghi chú
266	3	03200294	TRẦN TUẤN THÀNH	Nam	07/03/1985	Ung thư	8.71	84.00		
267	4	03200323	VÕ QUỐC HOÀN	Nam	10/01/1988	Ung thư	8.54	92.00		
268	5	03200209	NGUYỄN THỊ MINH HẢI	Nữ	08/07/1984	Ung thư	8.50	86.00		
269	6	03200245	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG	Nữ	06/01/1988	Ung thư	8.44	84.00		
270	7	03200193	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Nữ	07/12/1981	Ung thư	8.42	92.00		
271	8	03200297	NGUYỄN HOÀNG GIA	Nam	30/07/1988	Ung thư	8.42	90.00		
272	9	03200324	ĐỖ THỊ THANH MAI	Nữ	11/02/1990	Ung thư	8.42	86.00		
273	10	03200238	PHẠM THỊ THU TRANG	Nữ	24/01/1988	Ung thư	8.38	82.00		
274	11	03200110	NGUYỄN THỊ DỪNG	Nữ	02/10/1982	Ung thư	8.33	Miễn thi		
275	12	03200215	MAI TIẾN ĐẠT	Nam	04/12/1989	Ung thư	8.31	94.00		
276	13	03200142	ĐINH THỊ LAN ANH	Nữ	17/10/1985	Ung thư	8.25	80.00		
277	14	03200283	NGUYỄN CÔNG TÍN	Nam	15/05/1987	Ung thư	8.06	80.00		
278	15	03200174	VŨ ĐÌNH GIÁP	Nam	29/09/1984	Ung thư	7.96	Miễn thi		
279	16	03200296	NGUYỄN THỊ KIM ANH	Nữ	06/04/1981	Ung thư	7.83	90.00		
280	17	03200108	NGUYỄN THẾ TÂN	Nam	13/09/1989	Ung thư	7.69	80.00		
281	18	03200218	ĐỖ MẠNH HÙNG	Nam	30/04/1985	Ung thư	7.67	92.00		
282	19	03200028	NGUYỄN THỊ MAI LƯƠNG	Nữ	21/11/1983	Ung thư	7.63	90.00		
283	20	03200075	HOÀNG THU TRANG	Nữ	16/10/1986	Ung thư	7.25	90.00		
284	21	03200192	PHẠM KHÁNH TOÀN	Nam	10/12/1979	Ung thư	7.25	60.00		
285	22	03200068	TRẦN ĐỨC LINH	Nam	29/05/1986	Ung thư	7.17	Miễn thi		
286	23	03200061	NGUYỄN HÀ THƯỜNG	Nam	07/04/1973	Ung thư	7.10	Miễn thi		
287	24	03200285	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	12/09/1980	Ung thư	7.00	58.00		
288	25	03200146	TRƯƠNG THỊ THẢO HIỀN	Nữ	30/06/1982	Ung thư	6.90	86.00		
289	26	03200292	VŨ HẢI LINH	Nam	24/03/1987	Ung thư	6.23	78.00		
290	1	03200195	H' NƯƠNG NIÊ	Nữ	17/04/1984	Vi sinh y học	7.98	Miễn thi		
291	2	03200242	ĐÀO QUANG TRUNG	Nam	19/05/1986	Vi sinh y học	6.33	Miễn thi		
292	3	03200185	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	07/11/1981	Vi sinh y học	5.98	Miễn thi		

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm CN	Điểm NN	ƯT	Ghi chú
293	1	03200030	LÊ THỊ HƯỜNG	Nữ	25/09/1985	Y học cổ truyền	9.04	88.00		
294	2	03200125	TRẦN THỊ MINH QUYÊN	Nữ	02/05/1984	Y học cổ truyền	8.60	90.00		
295	3	03200220	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Nữ	23/03/1985	Y học cổ truyền	8.58	82.00		
296	4	03200172	PHƯƠNG THỊ THANH LOAN	Nữ	12/11/1981	Y học cổ truyền	8.04	84.00		
297	5	03200105	LÊ NGỌC SƠN	Nam	06/01/1983	Y học cổ truyền	7.31	68.00		
298	6	03200303	NGUYỄN NGỌC THẮNG	Nam	05/05/1985	Y học hạt nhân	8.73	Miễn thi		
299	1	03200226	TRẦN TUẤN ANH	Nam	07/08/1990	Y pháp	9.92	84.00	10.00	

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SDH


HIỆU TRƯỞNG
Lê Thành Văn